

# LUẬN TỶ BÀ SA

## QUYỂN 2

### Phần Thứ Hai: XỨ CỦA BA CĂN BẤT THIỆN

Ba căn bất thiện là căn bất thiện tham, căn bất thiện sân và căn bất thiện si.

Hỏi: Ba căn bất thiện có tánh gì?

Đáp: Căn bất thiện tham: Ái cõi Dục có năm loại sáu thức thân. Căn bất thiện sân, sân có năm thứ sáu thức thân. Căn bất thiện si: Vô minh của cõi Dục, đều thuộc về bốn thứ: Kiến tập, kiến tận, kiến đạo tư duy đoạn và một ít đối tượng nhập của hạt giống si thuộc kiến khổ đoạn.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Nghĩa là căn bất thiện này có mười thứ: nghi, ái, giận dữ, mạn, tương ứng của năm kiến và bất cộng tương ứng là mười, tám thứ trong số lập căn bất thiện, hai thứ thì không lập, là pháp tương ứng của thân kiến, biên kiến cõi Dục.

Hỏi: Nhân nói là căn. Vô minh, tương ứng với thân kiến, biên kiến cõi Dục, là nhân của tất cả pháp bất thiện, vì sao không lập Thân kiến, Biên kiến là căn bất thiện?

Đáp: Vì tánh bất thiện, cũng là nhân của tất cả pháp bất thiện, nên vô minh kia lập căn bất thiện. Thân kiến, biên kiến của cõi Dục tương ứng với vô minh mặc dù là nhân của tất cả pháp bất thiện, nhưng không phải tánh bất thiện.

Hỏi: Nếu thế là thế nào?

Đáp: Là vô ký. Cho nên nói vô minh cõi Dục đều thuộc bốn thứ là kiến Tận, kiến đạo, Tư duy đoạn và một loại ít đối tượng nhập thuộc kiến khổ đoạn và tương ứng với sáu thức thân thành mười lăm thứ tánh của ba căn bất thiện, đã gieo trồng các thứ hiện có nơi thân tương một cách tự nhiên.

Đã nói tánh xong, sẽ nói về hành.

Vì sao nói căn bất thiện? Nghĩa của căn bất thiện là thế nào?

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Nghĩa sinh, nghĩa nuôi nấng, nghĩa tăng là nghĩa của căn bất thiện.

Lại nói: Nghĩa lớn, nghĩa nhận lấy, nghĩa đầy là nghĩa của căn bất thiện.

Lại nói: Nghĩa nhân của bất thiện là nghĩa của căn bất thiện.

Lại nói: Nghĩa chuyển biến bất thiện là nghĩa của căn bất thiện.

Lại nói: Nghĩa thuận với bất thiện là nghĩa của căn bất thiện.

Lại nói: Nghĩa tiếp nhận bất thiện là nghĩa của căn bất thiện.

Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Trong xứ sở của các tôn đã gieo trồng pháp bất thiện, chuyển biến thuận với nhận lấy, cho nên nói là nghĩa của căn bất thiện.

Hỏi: Nếu nghĩa của nhân bất thiện là nghĩa của căn bất thiện thì trước sanh năm ấm bất thiện, sau sanh năm ấm bất thiện cũng là do trước sanh mười hành vi ác, sau sanh mười hành vi ác, cũng là do trước sanh ba mươi bốn sử bất thiện, sau sanh ba mươi bốn sử bất thiện, cũng là do ý thời nên có vô lượng bất thiện, vì sao nói ba căn bất thiện?

Đáp: Pháp của Phật, Thế Tôn, là chân đế, các chân khác không thể vượt qua, nghĩa là Phật, Thế Tôn đều biết pháp tướng, quyết định biết, quyết định làm, có tướng của căn bất thiện, nên lập căn bất thiện, không có tướng của căn bất thiện, nên không lập căn bất thiện.

Tôn giả Cù-sa nói: Đức Thế Tôn biết người này tùy sức người kia, tùy mỗi sức nặng, người kia tiếp cận theo người kia. Ba căn bất thiện này đều là nhân của tất cả pháp bất thiện, chứ không phải pháp bất thiện khác.

Hoặc nói: Vì đứng đầu tất cả pháp bất thiện như pháp của chủ tướng ở trước, vì uy lực này nên tất cả pháp bất thiện đều chuyển.

Hoặc nói: Là căn nhân của tất cả pháp bất thiện, đạo vốn làm duyên bình đẳng, có tập đẳng khởi, ở trong đó do pháp chủng tử, do pháp của căn vững chắc.

Hoặc nói: Nghĩa là tất cả pháp bất thiện, đến gìn giữ, cùng duy trì, sinh, nuôi nấng, tăng trưởng, cho nên nói là căn bất thiện.

Hoặc nói: Nghĩa là công đức, kẻ thù.

Hỏi: Trong đây là công đức gì?

Đáp: Là ba căn thiện.

Hỏi: Trong đây, vì sao gần mà không phải là người thân kẻ oán?

Đáp: Là ba căn bất thiện.

Hoặc nói: Như người giữ cửa không cho vào cửa, vì theo pháp giữ

cửa.

Hoặc nói: Trái với ba căn thiện, trong đó, tham trái với không tham, giận dữ trái với không giận dữ, ngu si trái với không ngu si.

Hoặc nói: Tức nói hành vốn như đã nói (xuất xứ: Trung A-hàm) Ca Lam, tập gốc của ba hành này. Ca lam, tập gốc của hành tham. Ca lam, tập gốc của hành giận, si.

Hoặc nói: Các thứ hành đều sinh nhau, các thứ hành đều chuyển nhau. Như nói: Từ ái sinh ái, từ ái sinh giận, từ giận sinh giận, từ giận sinh ái, ở trong đó là vô minh.

Hoặc nói: Là mâu thuẫn của mâu thuẫn, vì mâu thuẫn của không mâu thuẫn, nên chúng sinh phần nhiều khởi sự ràng buộc của tranh chấp. Nghĩa là trời, A-tu-luân qua lại tranh giành Ba-la-tha (anh), Ma-ha-bà-la-tha (em), La-ma (anh), La-xoa-na (em), vì bị Tư-đà (vợ) Kế na (anh), A-châu-na (em), vì một cô gái kia, nên giết mười tám đứa trẻ.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì mâu thuẫn của không mâu thuẫn. không mâu thuẫn, nghĩa là ái, mâu thuẫn, nghĩa là giận dữ.

Hỏi: Vì sao không nói si?

Đáp: Ở trong đó đã nói, nếu người trí kia vì cảnh giới trời, nên không gây ra việc ác này, hưởng chi vì dục ác của nhân gian. Con người vì nước, vì cung điện nên mới gây ra ngần ấy việc ác, lại vì ruộng, vườn, nên đã gây ra ngần ấy việc ác, hưởng chi trưởng giả vì phải mặc áo phẩn tảo, vào mùa xuân, thường khởi lên sự ràng buộc tranh chấp, cho nên nói là mâu thuẫn của không mâu thuẫn, do đó nên như thế.

Hoặc nói: Nói là bị ba thứ đau đớn sai khiến, như nói: bị sử tham sai khiến trong lạc thọ, bị sử sân sai khiến trong khổ thọ, bị sử si sai khiến trong bất khổ, bất lạc thọ.

Hỏi: Như trong đây tất cả đều bị sai khiến chăng?

Đáp: Vì phần nhiều. Phần nhiều lạc thọ do sử tham sai khiến, khổ thọ do sử sân sai khiến, bất khổ, bất lạc thọ do sử si sai khiến.

Tham nhân trong lạc thọ khởi lên rồi, tức căn thọ nhận lạc thọ và tăng thêm năm ấm bất thiện, tăng thêm năm ấm bất thiện rồi, thì thường phát sinh hành vi ác, thường sinh hành vi ác rồi nên ở trong sinh tử chịu nhiều đau khổ.

Sân nhân trong đau khổ khởi lên, tức căn thọ nhận khổ thọ và tăng thêm năm ấm bất thiện, tăng thêm năm ấm bất thiện rồi, thì thường khởi lên hành vi ác, thường khởi hành vi ác rồi nên trong sinh tử chịu nhiều đau khổ.

Si nhân trong bất khổ, bất lạc thọ khởi lên, tức căn thọ nhận bất khổ, bất lạc và tăng thêm năm ấm bất thiện, tăng thêm năm ấm bất thiện rồi thường khởi lên hành vi ác, thường khởi lên hành vi ác nên ở trong sinh tử chịu nhiều đau khổ. Cho nên nói: Ba thống sai khiến, do đây nên như thế.

Hoặc nói: Năm thứ tánh sử của thân sáu thức, có thể khởi hành động về thân, hành động về miệng. Khi căn lành bị đoạn, phần nhiều dùng phương tiện. Năm thứ, là từ kiến khổ đoạn đến tư duy đoạn. Thân sáu thức: Là từ tương ưng nhãn thức cho đến tương ưng ý thức. Tánh của sử: Tham là sử dục, Sân là sử không thể, Si là sử vô minh. Có thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng: Nghĩa là vì tham, nên tạo ra hành vi của thân, hành vi của miệng. Vì giận dữ ngu si, nên tạo ra hành vi của thân, hành vi của miệng. Khi căn thiện bị đoạn thì nhiều phương tiện? Như trong Luận Thi Thiết có nói: Nếu người kia căn thiện bị đoạn. Vì sao bị đoạn? Vì hành động gì? Đáp: Như người nặng về tánh dục, nặng về giận dữ, nặng về ngu si, vì người ấy dục nặng, giận dữ nặng, ngu si nặng, nên khó bảo, khó dạy, khó hiểu, khó giải thoát. Thế nên nói là năm thứ tánh sử của thân sáu thức có thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng, khi căn thiện bị đoạn, thì phần nhiều là phương tiện để gây ra căn bất thiện trong đó.

Hỏi: Như tà kiến có thể đoạn căn thiện, vì sao kẻ tà kiến đó không lập căn bất thiện?

Đáp: Vì phương tiện có khả năng tăng thêm lực, tất cả việc thiện, ác, phần nhiều dùng sức phương tiện, chứ không phải do khả năng làm ra.

Có thuyết nói: Như Bồ-tát thấy nỗi khổ về sinh, già, bệnh, chết của thế gian, như kẻ mù không người dẫn đường, nên mới phát đạo ý chánh chân vô thượng, trong đó, ý niệm ban đầu tội hấn, không lui sụt, không dời đổi. Hơn ba A-tăng-kỳ kiếp tu các công hạnh, nếu không được hậu đắc tận trí, vô sinh trí, thì vị lai sẽ tu căn thiện trong ba cõi.

Hoặc nói: Tà kiến kia, nếu đoạn căn thiện thì tất cả tà kiến đó đều là năng lực của căn bất thiện. Hoặc căn bất thiện kia làm cho căn thiện mỏng manh, yếu kém, dễ xuyên thủng, sau đó, tà kiến ấy mới dứt căn thiện.

Hoặc nói: Là thay đổi, không thay đổi khi tà kiến kia đoạn căn thiện. Người tham thay đổi, kẻ giận dữ không thay đổi, người ngu si thay đổi, không thay đổi, còn tà kiến kia có thể không chuyển biến, chứ không phải chuyển biến, do đó nên như thế.

Hoặc nói: Tà kiến này trước kia đã nói là năm thứ, tà kiến ấy không phải năm thứ mà là bốn thứ, không phải do thân sáu thức mà do ý thức.

Hỏi: Mặc dù có tánh sử, nhưng không thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng, là vì sao?

Đáp: Không có kiến nào dứt trừ kiết mà còn có thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng, và khi đoạn căn thiện, lại không dùng nhiều phương tiện, mà là dùng thời điểm sau cùng của tà kiến kia, nghĩa là tà kiến đó đã lìa nhóm này, do đó, nên không lập trong căn bất thiện. Nghĩa là năm ấm này lìa trong căn bất thiện và tà kiến kia cũng lìa sắc ấm của nhóm này, chẳng phải năm thứ, chẳng phải thân sáu thức, chẳng phải tánh sử, không thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng, khi đoạn căn thiện, không dùng nhiều phương tiện. Thọ ấm, tưởng ấm, thức ấm, tương ứng với hành ấm kia, nghĩa là các ấm đó đã lìa kiết là năm thứ thân sáu thức, chứ không phải tánh sử, nên không thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng, nên khi đoạn căn thiện, đã không dùng nhiều phương tiện. Không tương ứng với hành ấm, năm thứ không phải thân sáu thức, không phải tánh của sử, nên không thể khởi hành vi của thân, hành vi của miệng, do đó, khi đoạn căn thiện, không dùng nhiều phương tiện. Năm kiến và nghi trong kiết, chẳng phải năm thứ, chẳng phải thân sáu thức, mặc dù có tánh của sử, nhưng vẫn không thể khởi lên hành vi của thân, miệng, vì khi dứt căn thiện đã không dùng nhiều phương tiện. Năm thứ mạn không phải thân sáu thức, dù là tánh của sử, nhưng không thể khởi lên hành vi của thân, miệng, khi đoạn căn thiện, không dùng nhiều phương tiện.

Thuyết khác nói mười triền: triền sân, triền không nói năng, triền thù, triền miên, triền điệu, triền hối, triền vô tâm, triền vô quý, triền san, triền tật, trong đó, sân, không nói năng không phải năm thứ, không phải thân sáu thức, không phải tánh của sử, nên không thể khởi hành vi của thân, miệng, khi dứt căn thiện, không dùng nhiều phương tiện. Năm thứ miên vì không phải thân sáu thức, không phải tánh sử, nên không thể khởi hành vi của thân, miệng, và khi đoạn căn thiện, không dùng nhiều phương tiện.

Thùy, điệu (trạo), hai thứ này là năm thứ, thân sáu thức, vì không phải tánh sử, nên không thể khởi lên hành vi của thân, miệng, khi đoạn căn thiện, không dùng nhiều phương tiện.

Vô tâm, vô quý, hai thứ này là năm thứ, thân sáu thức, không phải là tánh sử có thể khởi lên hành vi của thân, miệng, khi đoạn căn thiện

đã dùng nhiều phương tiện.

San, tật, hai thứ này không phải năm thứ, không phải thân sáu thức, không phải tánh của sử, nên không thể khởi lên hành vi của thân, miệng. Lúc đoạn căn thiện, không vận dụng nhiều phương tiện. Năm thứ miên kia đã lập căn bất thiện, nếu lìa ngoài nhóm này thì chúng không lập căn bất thiện. Phần nường cuồng, siểm mà cao hại, tất cả thuyết này là kiết. Cấu nường kiết chẳng phải kiết căn bản, nghĩa là năm thứ thân sáu thức, tánh của sử, có công năng khởi lên hành vi của thân miệng. Lúc cắt đứt gốc lành dùng nhiều phương tiện. Kia lập căn bất thiện, nếu lìa nhóm này thì kia không lập căn bất thiện.

Hoặc nói: Ba căn bất thiện này có thể khởi mười hành vi ác, khởi lên mười hành vi ác rồi thì đọa vào mười đường ác.

Hỏi: Ba căn bất thiện này có thể khởi mười hành vi ác, khởi mười hành vi ác rồi, sẽ đọa vào mười đường ác là sao?

Đáp: Khế kinh Phật nói: Sát hại có ba thứ: Vì tham, vì giận, vì si, đến ba thứ tà kiến: Vì tham, vì giận dữ, vì ngu si. A-tỳ-đàm cũng nói: Ba căn bất thiện này là cội rễ, là nhân của tất cả pháp bất thiện, dẫn dắt, tạo duyên, có tập khởi.

Ba căn bất thiện như thế, có thể khởi mười hành vi ác.

Hỏi: Vì sao khởi mười hành vi ác rồi phải đọa vào mười đường ác?

Đáp: Khế kinh Phật nói: Thói quen sát sinh, luôn tạo tác việc ấy, sẽ đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu về sau, sinh lên làm người, thì tuổi thọ ngắn ngủi. A-tỳ-đàm cũng nói: Thói quen sát sinh càng thêm lớn, thường làm ác sẽ đọa vào đại A tỳ Nê-lê, đọa vào địa ngục rất nóng, như Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Hắc thăng, Đẳng hoạt, lại đọa trong súc sinh, ngạ quỷ.

Như thế, khởi mười hành vi ác rồi, sẽ đọa trong mười đường ác. Thế nên nói là ba căn bất thiện.

Hoặc nói: Người kia cũng nói tăng, cũng nói mỏng. Như đã nói, Thế nào là tăng dục, tăng giận, tăng si? Vì dục yếu nên có trung bình, vì trung bình bèn có tăng. Nhân vì sân yếu bèn có trung bình, vì trung bình bèn có tăng. Vì si yếu nên có trung bình, vì trung bình bèn có tăng.

Như thế gọi là tăng dục, tăng giận dữ, tăng si.

Hỏi: Thế nào là dục yếu, giận dữ yếu, si yếu?

Đáp: Dục tăng lên ít thì có trung bình, trung bình ít thì có yếu. Giận dữ tăng lên ít thì có trung bình, trung bình ít thì có yếu. Si tăng lên ít thì có trung bình, trung bình ít tức có yếu.

Như thế gọi là dục mỏng ít, giận dữ mỏng, si mỏng, cho nên nói: Dục kia cũng nói tăng, cũng nói mỏng, cho nên như thế.

Hoặc nói: Khi người kia lui sụt thì có nhiều nhân, nhiều duyên, như nói: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, tự quán tăng dục, giận dữ, si, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, phải biết ta lui sụt đối với pháp thiện, Thế Tôn nói: Đây là sự lui sụt, nên nói: Khi người kia lui sụt thì sẽ có nhiều nhân, nhiều duyên cho nên như thế.

Hoặc nói: Là kiết chướng ngại, như nói: Kiết chướng ngại là thế nào? Nếu chúng sinh tánh dục nặng, giận nặng, si nặng. Vì tánh dục, giận, si của người ấy nặng, nên khó dạy, khó bảo, khó hiểu, khó giải thoát. Cho nên nói là kiết chướng ngại, cho nên thế.

Hoặc nói: Hiện môn này là lược độ nên có ngần ấy căn bất thiện.

Hoặc là phần dục, phần giận dữ, phần si, như Khế kinh kia đã nói: Nếu Bà-la-môn có ý nhiễm vương hai mươi một kiết, tất nhiên họ sẽ đọa vào Nê-lê của đường ác. Người nói là Tôn giả Đàm-Ma-Đa-la. Tất cả kiết nói trong Khế kinh này được lập ra ba phần. Phần dục, giận, si, nếu nói dục, thì nên biết đã nói phần dục. Nếu nói giận, si, phải biết đã nói về phần giận, si, như phần dục, giận, si.

Cũng thế, phần gần, phần không gần, phần gần và chẳng gần, phần ích, phần không ích, phần ích và không ích, phần vui, phần không vui, phần vui và không vui, đều phải biết. Cho nên nói lược qua các hiện môn.

Hoặc nói: Là vết nhơ bên trong, như nói: Dục là vết nhơ bên trong, sự giận, si là vết nhơ bên trong. Như vết nhơ bên trong: Cũng thế, bên trong không gần gũi kẻ oán, đều phải biết.

Hoặc nói: Nói là trần, như nói: Dục là trần, giận, si là trần. Như trần cũng thế, sự nhơ nhớp, chướng ngại, lửa, mũi nhọn, chất độc, dao, đều phải biết. Vì thế cho nên lập ba căn bất thiện.

Hỏi: Kiết này thực hành ra sao?

Đáp: Nếu hành dục trong ý thì trong ý này sẽ không có sự giận dữ, nếu giận dữ thì không có dục. Hai thứ này phải có si.

Hỏi: Vì sao? Nếu hành dục trong ý, thì trong ý này sẽ không có giận dữ, nếu đang giận dữ thì sẽ không có dục?

Đáp: Vì tánh trái nhau. Tánh tham là vui, tánh sân là lo. Thân tham nuôi lớn thọ. Thân sân không nuôi lớn thọ. Thân tham yếu, yên ổn, không trở ngại trong duyên. Yếu, yên ổn là nếu tham hiện trước thì tất cả thân yếu. Không trở ngại trong duyên như thọ nhận, đấm nhiễm



trong ý, đem dài gần gũi không chán bỏ. Thân sân (giận) không yếu, không yên ổn sẽ trở ngại trong duyên. Không yếu, không yên ổn là như sự giận dữ biểu hiện ở trước, tất cả thân không yếu. Sẽ trở ngại trong duyên là như cơn giận trong ý đã biểu hiện trước, mắt sẽ không vui khi ngắm nhìn. Đây là tánh trái nhau của tham và sân. Hoặc dục đang hiện hành trong ý, thì không có sân. Sân đang hiện hành trong ý thì không có dục. Hai trạng thái này phải có si.

Ba căn bất thiện này nói là năm thứ thân sáu thức.

Hỏi: Vì sao ba căn bất thiện lại nói là năm thứ thân sáu thức?

Đáp: Nếu ba căn bất thiện này có kiến dứt trừ, không phải do tư duy, thì sự tư duy dứt trừ tâm bất thiện kia lẽ ra không phải căn. Nếu là tư duy, không phải do kiến dứt trừ, tất nhiên kiến đoạn tâm bất thiện kia lẽ ra không phải căn. Nếu có thân năm thức, không phải ý thức, nghĩa là tâm bất thiện của ý thức kia, lẽ ra không phải căn. Nếu có ý thức, không phải năm thức, nghĩa là tâm bất thiện của năm thức kia lẽ ra không phải căn. Ba căn bất thiện này trong tất cả tâm bất thiện, đều là căn hoặc hai, hoặc một. Ý bất thiện tương ứng với tham có hai căn: tham và vô minh tương ứng với tham. Ý bất thiện tương ứng với giận dữ có hai căn: Sự giận dữ tương ứng với vô minh. Là hai căn này rồi thì, các ý bất thiện với tham, giận kia đều là vô minh của một căn. Đây là nói phần nhiều có căn. Căn pháp của thân kiến, căn pháp của Đức Thế Tôn, căn pháp của dục, căn pháp của không buông lung và căn tánh đều nói là tất cả pháp.

Hỏi: Vì sao nói là căn pháp của thân kiến?

Đáp: Vì chấp ngã, chấp ngã xong, sẽ sinh ra sáu mươi hai kiến, cho nên như thế.

Hỏi: Vì sao nói là căn pháp của Đức Thế Tôn?

Đáp: Vì nói, ai nói về vương mắc nhiễm, thanh tịnh, ràng buộc, giải thoát, trôi lăn, xuất thế là Đức Phật, cho nên như thế.

Hỏi: Vì sao nói căn pháp của dục?

Đáp: Do dục được pháp thiện. Do dục được, nghĩa là người kia được pháp thiện, không do dục được, nghĩa là người kia không được pháp thiện, cho nên như thế.

Hỏi: Vì sao nói căn pháp của không buông lung?

Đáp: Vì gìn giữ vững chắc pháp thiện. Không buông lung, nghĩa là người kia có thể gìn giữ vững chắc pháp thiện. Buông lung, nghĩa là người kia giữ chắc pháp thiện rồi thì liền mất, hướng chi là lại giữ chắc?



---

Hỏi: Vì sao nói tất cả pháp của căn tánh? Đáp: Vì không bỏ hạt giống của chính mình.

Hỏi: Như ông nói, thì trong vô vi lẽ ra cũng có căn, vì vô vi cũng không bỏ chủng tử của mình?

Đáp: Nếu trong vô vi có căn, thì không tồn tại. Vô vi kia cũng không bỏ chủng tử của mình. Vì không tồn tại, lại có dục. Vì đối trị lỗi này, nên nói căn tánh, nghĩa là vì trao cho nhân.

Hỏi: Thế nào là trao cho nhân?

Đáp: Sự sinh trước là nhân của sự sinh sau.

Hỏi: Như ông nói, thì khổ pháp nhãn lẽ ra không có căn? Vì sao? Vì khổ pháp nhãn, người khác không trao cho nhân tự nhiên?

Đáp: Khổ pháp nhãn kia, mặc dù người khác không trao cho nhân tự nhiên, nhưng khổ pháp nhãn kia cho người khác Niết-bàn, mà người khác không cho nhân, cũng không cho người khác nhân. Thế nào là căn tánh cho nhân của khổ pháp nhãn kia? Vấn đề này không luận.

Như thế, nói căn tánh, nghĩa là vì không bỏ hạt giống của mình. Chính vì lý do này, nên nói tất cả pháp của căn tánh. Nói rộng là xứ của ba bất thiện đã dứt hết.

-----